TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2025/LĐ-ST Ngày: 21-8-2025. V/v tranh chấp về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình – Cán bộ hưu trí;

Ông Nguyễn Quí Hạc – Nguyên cán bộ Bảo hiểm xã hội huyện Trảng Bom.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2025/TLST-LĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-LĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ B, Khu phố C, xã T (C là thị trấn V, huyện V), tỉnh Đồng Nai.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ B, Khu phố C, xã T (C là thị trấn V, huyện V), tỉnh Đồng Nai.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH G.

Địa chỉ: KCN S, xã B (C là xã B, huyện T), tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật:

1.1. Ông Wang Chien R, sinh năm 1973 – Chủ tịch Hội đồng thành viên;

1.2. Bà Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1984 – Tổng Giám đốc.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Công ty cổ phần G1.

Địa chỉ: A, đường B, phường B (Cũ là khu phố Đ, phường H, thành phố B), tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Dục D, sinh năm 1965 – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Lê Lan T, sinh năm 1982 – Phó Giám đốc Công ty.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Bảo hiểm xã hội khu vực V (Cũ là Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ)

Địa chỉ: B, H, phường T (C là phường T, thành phố B), tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T1 - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phương H, sinh năm 1976 – Phó Chánh Văn phòng.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị N có quan hệ là chị em ruột với nhau. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và giấy tờ nhân thân của bà N không đúng nên bà N mượn chứng minh dân phô tô công chứng của bà để làm hồ sơ xin việc làm tại Công ty cổ phần G1 vào năm 2003. Trong quá trình làm công nhân tại Công ty cổ phần G1, bà N có tham gia đóng bảo hiểm xã hội và được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 4705009181 từ tháng 7/2003 đến tháng 9/2009. Đến cuối tháng 9/2009 bà N nghỉ việc ở Công ty cổ phần G1. Sau đó, bà N tiếp tục xin vào làm công nhân tại Công ty TNHH G từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2010. Bà N vẫn lấy họ tên của bà là Nguyễn Thị Ú và tham gia đóng bảo hiểm xã hội.

Bà ký hợp đồng lao động và làm công nhân tại Công ty C từ tháng 6/2006 đến tháng 11/2021. Bà tham gia đóng bảo hiểm xã hội và được cấp số bảo hiểm xã hội số sổ 4706071064. Đến cuối năm 2021, bà xin nghỉ việc tại Công ty C và được Công ty C trả sổ Bảo hiểm xã hội cho bà để hưởng chế độ. Khi làm thủ tục để hưởng chế độ bảo hiểm thì phát hiện bà có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bị trùng. Cụ thể: Từ tháng 07/2003 đến tháng 9/2009 và từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2010 bà tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty cổ phần G1 và Công ty TNHH G với số sổ bảo hiểm là 4705009181 trùng với số sổ bảo hiểm xã hội số 4706071064 mà bà làm việc tại Công ty C. Nguyên nhân, là do tại các thời điểm nêu trên bà Nguyễn Thị N lấy thông thông tin họ tên, chứng minh nhân dân của bà để tham gia đóng bảo hiểm xã hội và được cấp số bảo hiểm xã hội số số 4705009181.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty cổ phần G1 với Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969 vào thời gian từ tháng 7/2003 đến tháng 09/2009 vô hiệu và tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH G với Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969 vào thời gian từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2010 vô hiệu. Bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Bà xác định chỉ cho bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 mượn giấy tờ của bà để kí hợp đồng lao động, ngoài ra không cho người nào khác mượn giấy tờ của bà.

Về án phí: Bà Ú tự nguyện chịu.

2. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị Ú có quan hệ là chị em ruột với nhau. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và giấy tờ nhân thân của bà bị sai nên bà đã mượn chứng minh dân phô tô công chứng của bà Nguyễn Thị Ú làm hồ sơ xin việc và ký kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần G1 vào năm 2003. Trong quá trình làm công nhân tại Công ty cổ phần G1, bà có tham gia đóng bảo hiểm xã hội và được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 4705009181 từ tháng 7/2003 đến tháng 9/2009. Đến cuối tháng 9/2009 bà nghỉ việc ở Công ty cổ phần G1. Sau đó, bà tiếp tục xin vào làm công nhân tại Công ty TNHH G từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2010. Bà vẫn lấy họ tên là Nguyễn Thị Ú và tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Sau đó, bà nghỉ việc và được trả sổ bảo hiểm xã hội số 4705009181, bà cũng đã lấy chế độ bảo hiểm xong.

Bà Nguyễn Thị Ú làm công nhân tại Công ty C, từ tháng 6/2006 đến tháng 11/2021 thì nghỉ việc. Sau khi nghỉ việc bà Ú đi làm các thủ tục hưởng chế độ bảo hiểm, thì được Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ phát hiện bà Nguyễn Thị Ú có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bị trùng. Cụ thể: Từ tháng 07/2003 đến tháng 9/2009 và từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2010 bà tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần G1 và Công ty TNHH G với số sổ bảo hiểm là 4705009181 trùng với số sổ bảo hiểm xã hội số 4706071064 mà bà Ú làm việc tại Công ty C. Nguyên nhân, là do tại các thời điểm nêu trên bà lấy thông thông tin họ tên, chứng minh nhân dân của bà Ú để tham gia đóng bảo hiểm xã hội và được cấp số bảo hiểm xã hội số số 4705009181.

Nay bà Nguyễn Thị Ú khởi kiện, bà N đồng ý với toàn bộ yêu cầu của bà Ú: Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty Cổ phần G1 Màu với Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969 vào thời gian từ tháng 7/2003 đến tháng 09/2009 vô hiệu và tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH G với Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969 vào thời gian từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2010 vô hiệu. Bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Bà xác định, bà là người mượn giấy tờ của bà Nguyễn Thị Ú, là người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G1, làm việc từ tháng 7/2003 đến tháng 09/2009 và là người ký hợp đồng lao động với Công Ty TNHH G từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2010.

Về án phí: Bà N đồng ý để bà Ú chịu.

3. Quá trình tố tụng, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH G có gửi văn bản trình bày như sau:

Ngày 12/11/2009, Công ty đã tuyển dụng Người lao động Nguyễn Thị Ú (do bà Nguyễn Thị N mượn tên) vào làm việc. Trước khi ký hợp đồng, Công ty đã yêu cầu Người lao động cung cấp thông cá nhân, giấy tờ tùy thân, sơ yếu lý lịch và Đơn xin việc. Tất cả các giấy tờ trên đều có xác nhận của cơ quan Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Do có xác nhận từ chính quyền địa phương nên chúng tôi tin tưởng vào các thông tin mà Người lao động cung cấp và tiến hành ký Hợp đồng lao động dựa vào các thông tin được cung cấp nói trên. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động trong suốt khoảng thời gian làm việc liên tục tại Công ty từ năm 2009 đến khi nghỉ việc là năm 2011.

Ngày 02/01/2011, bà Nguyễn Thị Ú đã chấm dứt Hợp đồng với Công ty. Tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng lao động, chúng tôi đã hoàn thành nghĩa vụ và giải quyết mọi chế độ, đồng thời cũng đã trả số bảo hiểm cho Người lao động.

Phía Công ty hoàn toàn không biết giữa bà Nguyễn Thị Ú và bà Nguyễn Thị N đã xảy ra sự việc cho mượn giấy tờ tùy thân, hồ sơ của bản thân cho người khác để ký Hợp đồng với Công ty TNHH G. Chỉ đến khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của cơ quan Tòa án, chúng tôi mới biết sự việc nêu trên. Đối với sự việc này, Công ty chúng tôi không có ý kiến với việc Tòa tuyên Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ú và Công ty TNHH G là vô hiệu, vì việc tuyên bố Hợp đồng vô hiệu là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo công văn hướng dẫn số 1767/LĐTBXH-BHXH của Bộ L1 ngày 31/05/2022. Vì vậy, chúng tôi đề nghị quý Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

4. Quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần G1 - bà Trần Lê Lan T trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969, địa chỉ: Tổ B, khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai làm việc và ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ Phần G1 từ 01/2009 đến hết tháng 09/2009. Do thời điểm đã lâu, hợp đồng trong khoảng thời gian ngắn. Hợp đồng lao động giữa Công ty và bà Nguyễn Thị Ú đã chấm dứt. Do đó hiện nay Công ty không còn lưu giữ bản hợp đồng cũng như các quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động với bà Ú. Theo như trình bày của bà Nguyễn Thị Ú và bà Nguyễn Thị N thì việc các bà mượn các giấy tờ để ký hợp đồng lao động với Công ty, Công ty không biết. Nay bà Nguyễn Thị Ú yêu cầu hủy hợp đồng. Công Ty Cổ Phần G1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai là bà Đinh Thị Phương H trình bày:

Qua tra cứu dữ liệu của ngành BHXH, bà Nguyễn Thị Ú, sinh ngày 01/01/1969, số CMND 270650914, số CCCD 075169004550. Hiện có 02 số BHXH (4705009181, 4706071064) có thời gian đóng BHXH trùng nhau, cụ thể như sau:

Mã số sổ BHXH	Thời gian đóng BHXH	Đơn vị sử dụng lao động	Đã hưởng

4705009181	Tháng 07/2003 đến tháng 09/2009	Công ty CP giày Dép Cao Su Màu	Trợ cấp thất nghiệp, BHXH một lần
	Tháng 12/2009 đến tháng 12/2010	Công ty TNHH Giày Đồng Nai Việt Vinh	
4706071064	Tháng 6/2006 đến tháng11/2021	Công ty Chang Shin Việt Nam TNHH	Trợ cấp thất nghiệp

Ngày 21/12/2022, BHXH tỉnh Đ có làm việc với bà Nguyễn Thị Ú và bà Nguyễn Thị N ghi nhận về việc trùng thời gian đóng BHXH là do bà Nguyễn Thị Ú cho bà Nguyễn Thị N mượn hồ sơ để đi làm và tham gia BHXH tại Công ty CP G1 từ tháng 07/2003 đến tháng 09/2009 và tại Công ty TNHH G từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2010 (số BHXH mã số 4705009181).

Như vậy, các Hợp đồng lao động ký giữa bà Nguyễn Thị N (mang tên Nguyễn Thị Ú) với Công ty CP G1 từ tháng 07/2003 đến tháng 09/2009 và với Công ty TNHH G từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2010 thuộc trường hợp được hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH- BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1: Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết Hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết Hợp đồng lao động, đây là trường hợp Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ và Tòa án nhân dân có quyền tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật "Tranh chấp về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" thuộc trường hợp quy định tại Điều 201 Bộ luật Lao động năm 2012 và Điều 32; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án nhân dân khu vực 3- Đồng Nai thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, đại diện Công ty TNHH G, đại diện Công ty cổ phần G1 và đại diện Bảo hiểm xã hội khu vực V (Cũ là Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

2.1. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ú và bị đơn là bà Nguyễn Thị N đều xác định: Do hoàn cảnh gia đình khó khăn và giấy tờ tùy thân của bà N bị sai. Bà Nguyễn Thị Ú đã cho em gái là bà Nguyễn Thị N mượn giấy tờ tùy thân của mình để làm hồ sơ xin việc, ký Hợp đồng lao động, làm việc và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với sổ bảo hiểm xã hội số 4705009181 từ tháng 7/2003 đến tháng 9/2009 tại Công ty cổ phần G1 và từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2010 tại Công ty TNHH G. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2006 đến tháng 11/2021, bà Nguyễn Thị Ú cũng ký hợp đồng lao động, làm việc và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với sổ bảo hiểm xã hội số 4706071064 tại Công ty C TNHH. Xét, sự thừa nhận này của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.2. Đại diện Công ty cổ phần G1, đại diện Công ty TNHH G cũng xác nhận, có giao kết hợp đồng lao động và có tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động tên Nguyễn Thị Ú, từ tháng 7/2003 đến tháng 9/2009 tại Công ty cổ phần G1 và từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2010 tại Công Ty TNHH G. Đồng thời, phía các Công ty cũng xác định, không biết việc bà N mượn hồ sơ của bà Ú để ký hợp đồng lao động với Công ty.

2.3. Theo tài liệu, chứng cứ Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ đã giao nộp cho Tòa án thể hiện: Hiện nay, bà Nguyễn Thị Ú hiện có 02 sổ Bảo hiểm xã hội (4705009181, 4706071064), có thời gian đóng Bảo hiểm xã hội (BHXH) trùng nhau. Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ cũng đã xác định việc trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội là do bà Ú cho bà N mượn hồ sơ đi làm và tham gia BHXH.

2.4. Như vậy, có việc bà N sử dụng giấy tờ tùy thân, thông tin của bà Ú để giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần G1 và Công ty TNHH G. Bà N đã lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 15, Điều 16, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019 và Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

[3] Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về BHXH.

[4] Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai phù hợp với tài liệu, chứng cứ và với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 5, khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, Điều 147, khoản 3 Điều 200, Điều 203, khoản 2 Điều 210, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 243, Điều 264, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Điều 127 và Điều 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994; Căn cứ Điều 15, Điều 16, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 201 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Điều 10 Nghị định số: 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú về việc "Tranh chấp về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu".

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969 với Công ty cổ phần G1 Màu từ tháng 7/2003 đến tháng 9/2009 và Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969 với Công ty TNHH G từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2010 vô hiệu.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ú phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Ú đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0025147, 0025148, ngày 05/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu (nay là Phòng Thi hành án khu vực 3 - Đồng Nai). Bà Ú đã nộp xong án phí.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án khu vực 3 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Huy Công